|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG |  CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /BC-BCT |  Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2017 |

**BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ**

 **THƯƠNG MẠI THÁNG 4 VÀ 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2017**

4 tháng đầu năm 2017, nền kinh tế thế giới có những dấu hiệu khởi sắc nhất là tại các nước lớn như Nga, EU, Nhật Bản, Trung Quốc… Tuy nhiên, thị trường hàng hóa vẫn chịu nhiều tác động của một số nhân tố bất ổn như: những thay đổi trong chính sách điều hành kinh tế của Mỹ - đặc biệt là kế hoạch cắt giảm thuế; tiến trình đàm phán Brexit của Anh và EU; thâm hụt ngân sách của Eurozone; sự biến động của đồng USD; căng thẳng chính trị tại Triều Tiên và khu vực Trung Đông…

Ở trong nước, tình hình thời tiết, dịch bệnh không có diễn biến bất thường. tăng trưởng kinh tế không có biến động lớn, xuất khẩu tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ, thị trường nội địa cơ bản ổn định, sản xuất công nghiệp tăng trưởng chậm do nhu cầu tiêu thụ thấp.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017, trong 4 tháng đầu năm 2017, Bộ Công Thương đã tích cực và triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết, chủ động đề ra chương trình hành động và các giải pháp trọng tâm trong chỉ đạo để thực hiện, một số kết quả đạt được như sau:

**I. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

**1. Sản xuất công nghiệp**

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 4 ước tính tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng giảm 5,6% (trong đó khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 11,7%, khai thác than tăng 17,9%); ngành chế biến, chế tạo tăng 11,1%; sản xuất và phân phối điện tăng 9,9%; cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 6,5%.

Tính chung 4 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong các ngành công nghiệp, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,2% (4 tháng/2015 tăng 10,1%, 4 tháng/2016 tăng 9,7%); ngành sản xuất, phân phối điện tăng 9,3% (4 tháng/2015 tăng 11,5%, 4 tháng/2016 tăng 11,2%); ngành cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 6,3%; ngành khai khoáng giảm 9,7% (4 tháng/2015 tăng 7,5%,4 tháng/2016 giảm1,6%). (Phụ lục 1).

**Biểu đồ 1: TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

**TRONG 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2017 SO VỚI CÙNG KỲ**

Một số ngành công nghiệp có chỉ số sản xuất 4 tháng đầu năm 2017 tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất kim loại tăng cao với mức 47,5%; sản phẩm hóa chất khác tăng 10,7%; sản xuất trang phục tăng 8,8%; dệt tăng 12,5%; sản xuất xe có động cơ tăng 10,9%; sản xuất đồ uống các loại tăng 10,3%; sản xuất và phân phối điện tăng 9,3%… Một số ngành có mức tăng trưởng giảm hoặc tăng trưởng thấp hơn so với cùng kỳ tiếp tục tập trung chủ yếu ở lĩnh vực khai thác tài nguyên: Khai thác than cứng và than non tăng 0,8%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 12,9%;...

Các sản phẩm công nghiệp tiếp tục có tốc độ tăng trưởng cao từ đầu năm như: sắt thép thô tăng 30,1%; thép cán tăng 29,3%; tivi tăng 42%; phân đạm ure tăng 21%; phân NPK tăng 13,3%; phân DAP tăng 11,5%; quần áo mặc thường tăng 8,8%… Một số sản phẩm tăng trưởng giảm so với cùng kỳ năm trước như: Dầu thô khai thác giảm 13%; khí đốt giảm 8,4%; máy công cụ giảm 9,7%;... (Phụ lục 2).

**2. Tình hình tiêu thụ**

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 3 tháng đầu năm 2017 tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn so với mức tiêu thụ 10,2% của cùng kỳ năm ngoái.

Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất đồ uống tăng 13,4%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 15,5%; dệt tăng 9,4%; sản xuất da và các sản phẩm liên quan tăng 8%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 8%;... Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng trưởng thấp hoặc giảm so với cùng kỳ năm trước như: Sản xuất phương tiện vận tải tăng 0,5%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế giảm 3,8% (Phụ lục 3).

**3. Tình hình tồn kho**

Tại thời điểm 01 tháng 4 năm 2017, chỉ số tồn kho của toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,7% so với cùng thời điểm năm 2016, cao hơn so với mức tồn kho 8,9% của cùng kỳ năm ngoái.

Chỉ số tồn kho của một số ngành giảm so với cùng kỳ, đặc biệt sản xuất chế biến thực phẩm có mức giảm ấn tượng, giảm 50,2%; sản xuất trang phục giảm 6,4%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 23,5%... Ngoài ra, nhiều ngành có chỉ số tồn kho tăng cao so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như: Sản xuất đồ uống tăng 158,9%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 54,5%; sản xuất da và các sản phẩm liên quan tăng 32,8%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 23%;... (Phụ lục 4).

***Nhận xét chung:***

4 tháng đầu năm 2017, sản xuất công nghiệp tăng trưởng 5,1%, đây là mức tăng thấp so với mức tăng 7,4% của cùng kỳ năm 2016 và mức tăng 9,6% của cùng kỳ năm 2015. Nguyên nhân chủ yếu do:

- Sản xuất của nhóm khai khoáng giảm mạnh, giảm 9,7% (cùng kỳ năm 2016 giảm 1,6%, năm 2015 tăng 7,5%). Trong đó, giảm chủ yếu là sản lượng khai thác dầu thô, giảm 14,2% (cùng kỳ năm 2016 khai thác dầu thô giảm 5,2%). Nguyên nhân chính do sản lượng các mỏ giảm tự nhiên theo kế hoạch đã được phê duyệt (Kế hoạch khai thác dầu thô năm 2017 là 12,28 triệu tấn, trong khi năm 2016 là 15 triệu tấn).

- Sản xuất của nhóm công nghiệp chế biến chế tạo tăng gần bằng so với mức tăng cùng kỳ, tăng 9,2% (cùng kỳ năm 2016 tăng 9,7%, năm 2015 tăng 10,1%), tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến chế tạo giảm so với cùng kỳ năm trước là nguyên nhân khiến cho sản xuất tăng không cao.

- Sản xuất và phân phối điện cũng tăng trưởng thấp hơn so với cùng kỳ năm 2016, tăng 9,3%, cùng kỳ tăng 12,2%. Trong đó, điện nhập khẩu từ Trung Quốc giảm 10,8%, điện thương phẩm tăng 8,1% (thấp hơn mức tăng 13,2% của cùng kỳ năm 2016). 4 tháng đầu năm, các nhà máy nhiệt điện huy động công suất thấp, nên ngành điện đã điều tiết giảm sản lượng sản xuất phù hợp với tình hình tiêu thụ.

Việc ngành điện điều tiết giảm sản lượng sản xuất phù hợp với tình hình tiêu thụ cũng cho thấy những dấu hiệu khó khăn trong sản xuất... Đây là những yếu tố cần quan tâm để có giải pháp tháo gỡ khó khăn thúc đẩy phát triển ngành phù hợp.

***Trong thời gian tới, tình hình sản xuất công nghiệp dự báo sẽ khả quan hơn với các yếu tố như sau:***

- Sản xuất công nghiệp đang có xu hướng dần đi vào ổn định, chỉ số sản xuất của tháng 2 giảm 2,1% so với tháng 1; tháng 3 chỉ số sản xuất đã tăng 12,5% so với tháng 2 nhưng sang tháng 4 lại giảm 0,8% so với tháng 3 (tuy nhiên lại tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước).

- Nhập khẩu của nhóm các mặt hàng nguyên nhiên vật liệu là đầu vào cho sản xuất công nghiệp trong nước tăng cao, tăng trên 26,6% là cơ sở để gia tăng sản xuất trong những tháng tới.

- Đầu tư nhà nước trong lĩnh vực chế biến chế tạo tăng trưởng cao nhất.

- Các nhóm hàng dệt may…có đơn hàng ổn định, nhu cầu khách hàng vẫn tăng góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Năm nay dự báo mùa hè nắng nóng và gay gắt hơn các năm trước khiến cho nhu cầu tiêu thụ nhiều sản phẩm như: điện, sản xuất hàng thiết bị điện, điện lạnh, sản xuất đồ uống... tăng dẫn đến sản xuất sẽ tăng.

- Về phía doanh nghiệp, luôn đồng lòng và quyết tâm duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh; chủ động đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm các khách hàng trong và ngoài nước nhằm đa dạng hóa thị trường, trong đó đặc biệt đã quan tâm hơn đến thị trường nội địa; chủ động tận dụng lợi thế từ các Hiệp định thương mại tự do mới ký kết; tăng cường xuất khẩu, phát triển thị trường trong nước là những điều kiện thuận lợi góp phần phát triển sản xuất công nghiệp.

- Việc tham gia các Hiệp định Thương mại tự do sẽ mở ra nhiều cơ hội thương mại và đầu tư cho các doanh nghiệp Việt Nam.

- Môi trường kinh doanh ngày càng minh bạch và thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư tham gia vào thị trường, tạo sân chơi bình đẳng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp. Việc tham gia và rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp sẽ dễ dàng hơn. Bên cạnh đó, doanh nghiệp được tự do kinh doanh những ngành mà pháp luật không cấm, được bảo hộ quyền sở hữu về tài sản và thu nhập hợp pháp. Những ngành kinh doanh có điều kiện được quy định cụ thể hơn giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đà tăng trưởng và là yếu tố chính đóng góp cho tăng trưởng chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp do kinh tế thế giới khả năng hồi phục, nhu cầu tiêu dùng năng lượng, hàng hóa gia tăng, giá dầu thô dự báo tiếp tục tăng sẽ kéo theo giá các hàng hóa khác tăng... Các dự án đầu tư nước ngoài đi vào hoạt động có sản phẩm như Samsung và một số nhà máy điện, nhà máy hóa chất... sẽ khuyến khích, thúc đẩy sản xuất phát triển

Với những yếu tố trên, khả năng chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp năm 2017 tăng khoảng 8-9%.

**II. HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI**

**2. Xuất nhập khẩu và cán cân thương mại**

## 2.1. Xuất khẩu

Kim ngạch xuất khẩu tháng 4 ước đạt 16,7 tỷ USD, tăng 16,4% so với cùng kỳ 2016. Tính chung 4 tháng đầu năm, KNXK ước đạt 61,34 tỷ USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức tăng cao so với mức tăng của cùng kỳ năm 2016 (tăng 6,5%).

- Xuất khẩu của khu vực khối DNNN vẫn tăng cao hơn doanh nghiệp trong nước, tăng 16,1% (kể cả XK dầu thô), doanh nghiệp trong nước tăng 13,7%.

- Xuất khẩu của nhóm nhiên liệu và khoáng sản có tốc độ tăng trưởng cao nhất, tăng 43,6%; nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo đứng thứ hai, với mức tăng trưởng 15,5% và cuối cùng nhóm nông, thủy sản tăng 12,1%.

- Xuất khẩu 4 tháng đầu năm ghi nhận sự đóng góp của tăng giá xuất khẩu đối với nhóm năng lượng và nguyên vật liệu như than đá (80,8%), dầu thô (43,6%), xăng dầu các loại (41,1%), sắt thép các loại (22%), bông, xơ và sợi cho dệt may (7,6%).

Đi vào chi tiết cho thấy:

a) Về mặt hàng xuất khẩu:

- Nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản: KNXK ước đạt 1,46 tỷ USD, tăng 43,6% so với cùng kỳ (cùng kỳ giảm 44%), chủ yếu do giá xuất khẩu các mặt hàng tăng cao, ngoại trừ mặt hàng quặng và các khoáng sản khác. KNXK than đá tăng cao đột biến 957% do sự gia tăng cả về giá (80,8%) và lượng (484,9%), dầu thô tăng 34,9% do sự tăng cao cả về giá (43,6%) dù lượng xuất khẩu giảm nhẹ (6,1%); Xăng dầu các loại tăng 46,3%, chủ yếu do giá tăng (41,1%). Duy nhất có quặng và khoáng sản khác sụt giảm về KNXK (11%) mà nguyên nhân là do giá xuất khẩu giảm (66,6%) mặc dù lượng xuất khẩu tăng cao (166,2%).

- Nhóm nông, lâm, thủy sản: KNXK 4 tháng đầu năm ước đạt 7,65 tỷ USD, tăng 12,1%, c ao hơn so với mức tăng cùng kỳ năm ngoái (cùng kỳ tăng 9,4%) so với cùng kỳ năm ngoái . Các mặt hàng có KNXK lớn đều tăng và tăng cao như rau quả ước đạt 1 tỷ USD, tăng 32,1%, cao su ước đạt 629 triệu USD, tăng 70,8%; cà phê ước đạt 1,4 tỷ USD, tăng 21,7%; thủy sản ước đạt 2,13 tỷ USD, tăng 9%.

Tuy nhiên, xuất khẩu nông lâm thủy sản ghi nhận sự biến động không ổn định về giá và lượng xuất khẩu của nhiều mặt hàng. Hạt tiêu, gạo và sắn tiếp tục đà sụt giảm kể từ đầu năm, trong đó gạo sụt giảm chủ yếu do lượng xuất khẩu giảm (8,8%), trong khi hạt tiêu sụt giảm là do giá xuất khẩu giảm mạnh (24,3%) dù lượng xuất khẩu tăng (11,2%). Riêng mặt hàng sắn giảm cả lượng và giá xuất khẩu, tương ứng là 19,8% và 1,2% do chưa đúng mùa vụ. Nguyên nhân là do giá thị trường thế giới đối với hạt tiêu sụt giảm do cung thế giới vượt cầu. Trong khi đó, lượng xuất khẩu gạo sụt giảm do áp lực cạnh tranh và hàng rào kiểm dịch chất lượng của một số thị trường xuất khẩu lớn và truyền thống của Việt Nam như Malaysia, Ghana, Hồng Kông.

- Nhóm hàng công nghiệp chế biến: KNXK ước đạt 49,1 tỷ USD, tăng 15,5%, cao hơn so với mức tăng của cùng kỳ năm trước (cùng kỳ tăng 9,1%).

Nhóm hàng này ghi nhận sự tăng trưởng cao của các nhóm mặt hàng có quy mô xuất khẩu lớn và tốc độ tăng trưởng cao, đóng góp lớn vào mức tăng chung của nhóm như: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 44,3% với KNXK ước đạt 4,17 tỷ USD; Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng, tăng 38,8% với KNXK ước đạt 4 tỷ USD; Xơ, sợi dệt các loại tăng 25,9% với kim ngạch ước đạt 1 tỷ USD. Phương tiện vận tải và phụ tùng, tăng 16,6% với KNXK ước đạt 2,26 tỷ USD

Một số mặt hàng xuất khẩu quy mô lớn khác vẫn tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng khá là gỗ là sản phẩm từ gỗ, tăng 14,4% với KNXK ước đạt 2,4 tỷ USD; giầy dép các loại tăng 9,6% với KNXK ước đạt 4,17 tỷ USD, dệt may tăng 9,1% với KNXK 7,47 tỷ USD

Tuy nhiên, mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất là điện thoại và linh kiện (ước đạt 11,4 tỷ USD) tăng không đáng kể, chỉ đạt 0,3%. Nguyên nhân chủ yếu là do xuất khẩu điện thoại đã ở mức cao nên để đạt tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao như các năm trước là khó. Ngoài ra, sự cố đối với doanh nghiệp xuất khẩu điện thoại chủ yếu của Việt Nam là Samsung đối với Note 7 năm 2016 vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến sự phát triển thị trường của doanh nghiệp này là lý do làm chậm tốc độ tăng trưởng của mặt hàng điện thoại và linh kiện nói chung.

b) Về thị trường xuất khẩu:

Xuất khẩu 4 tháng đầu năm tăng cao ở hầu hết các khu vực thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam. Trong đó, khu vực châu Á tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn và tăng cao hơn so với các khu vực thị trường châu Âu và châu Mỹ.

Đi vào chi tiết cho thấy:

- Theo khu vực thị trường: KNXK khu vực thị trường châu Á 4 tháng ước đạt 25,4 tỷ USD, tăng cao ở mức 25,2% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 51,9% (tỷ trọng của năm 2016 là 47,8%). Trong đó, khu vực thị trường châu Âu và châu Mỹ có mức tăng chậm, khu vực châu Âu có KNXK ước đạt 12,1 tỷ USD, tăng 8% và chiếm tỷ trọng 19,7% (thấp hơn so với 2016 là 21,1%); khu vực thị trường châu Mỹ có KNXK ước đạt 14,8 tỷ USD, tăng 7,6% và chiếm tỷ trọng 24% (thấp hơn so với 2016 là 25,8%).

- Theo quốc gia: Hoa Kỳ vẫn tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với KNXK ước đạt 11,9 tỷ USD, tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng đạt thấp ở mức 3,7% và tỷ trọng xuất khẩu giảm xuống còn 19,36% (năm 2016 là 21,56%). Tiếp theo là Trung Quốc với KNXK ước đạt 8,6 tỷ USD, tăng rất cao ở mức 45,1% và chiếm tỷ trọng 14%, cao hơn mức 11,1% của năm 2016.

Các quốc gia khu vực Đông Nam Á đứng thứ ba với KNXK ước đạt 6,7 tỷ USD, tăng 25,7%, chiếm tỷ trọng 11%. Đứng thứ tư là Nhật Bản với KNXK ước đạt 5,2 tỷ USD, tăng 19,3% với tỷ trọng 8,4%. Tiếp theo là thị trường Hàn Quốc với tốc độ tăng trưởng đạt cao 32% với KNXK ước đạt 4,4 tỷ USD. Thị trường Hồng Kông, Các tiểu Vương quốc Ả rập thống nhất với KNXK tương ứng là 2,13 tỷ USD và 1,9 tỷ USD.

c) Về chủ thể xuất khẩu:

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn và duy trì được tốc độ tăng trưởng cao hơn so với khu vực trong nước. Xuất khẩu của khu vực đầu tư trong nước 4 tháng ước đạt 17,2 tỷ USD, tăng 13,7% so với cùng kỳ và chiếm 28%. Trong khi đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất khẩu ước đạt 44,05 tỷ USD (tính cả dầu thô), tăng 16,1%, chiếm 72%.

## 2.2. Nhập khẩu

Kim ngạch nhập khẩu tháng 4 ước đạt 17,5 tỷ USD, tăng 24,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 4 tháng đầu năm, KNNK ước đạt 64,07 tỷ USD, tăng 24,9% so với cùng kỳ 2016. Khối các doanh nghiệp nước ngoài nhập khẩu tăng cao hơn khối doanh nghiệp trong nước.

 Nhóm hàng cần nhập khẩu vẫn chiếm tỷ trọng lớn (88,8%) với tốc độ tăng trưởng cao (26,6%). Nhóm hàng cần hạn chế nhập khẩu giảm 7%, trong khi nhóm hàng cần kiểm soát nhập khẩu vẫn tiếp tục tăng ở mức 21,3%.

## Giá nhập khẩu tăng ở nhiều mặt hàng, đặc biệt là nhóm hàng nguyên, nhiên vật liệu cho sản xuất trong nước : như than đá (+74%); xăng dầu các loại (+55%); cao su các loại (+57,4%); sắt thép các loại (+54,5%); phế liệu sắt thép (+46,6%)... đã góp phần gia tăng KNNK.

## Đi vào chi tiết cho thấy:

a) Các mặt hàng nhập khẩu:

- Nhóm hàng cần nhập khẩu: KNNK 4 tháng đầu năm ước đạt 56,89 tỷ USD, tăng 26,6% so với cùng kỳ 2016. Một số mặt hàng nhập khẩu lớn có tốc độ tăng trưởng cao đáng lưu ý là: điện thoại và linh kiện, tăng 31,6% với KNNK ước đạt 3,8 tỷ USD; Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng, tăng 38,9% với KNNK ước đạt 11,3 tỷ USD; Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, tăng 38,9$ với KNNK ước đạt 10,45 tỷ USD; thép các loại, tăng 45,4% với KNNK ước đạt 3,3 tỷ USD; chất dẻo các loại, tăng 32,2% với KNNK ước đạt 2,36 tỷ USD; xăng dầu các loại, tăng 45,1% với KNNK ước đạt 2 tỷ USD; hóa chất, tăng 37,6% với KNNK ước đạt 1,3 tỷ USD. Hầu hết nhóm hàng này đều thuộc nhóm nguyên nhiên vật liệu đầu vào cơ bản phục vụ sản xuất và nhóm máy móc thiết bị cho mở rộng sản xuất.

- Nhóm hàng cần kiểm soát: Kim ngạch nhập khẩu 4 tháng ước đạt 2,65 tỷ USD, tăng 21,3% so với cùng kỳ, chiếm 4,1% tỷ trọng nhập. Sự gia tăng cao của nhóm tập trung vào nhóm sắt thép phế liệu, ước đạt 387 triệu USD, tăng 94,7% do tăng cả về giá (48,8) và lượng (30,8%); rau quả ước đạt 300 triệu USD, tăng 48,4%; xe máy và linh kiện phụ tùng, tăng 28,3%, đây là điều cần phải theo dõi sát để có những biện pháp kiểm soát phù hợp.

- Nhóm hàng cần hạn chế (nhóm hàng tiêu dùng): KNNK ước đạt 2,1 tỷ USD và giảm 7% so với cùng kỳ. Trong đó, tập trung ở nhóm điện thoại di động ước đạt 186 triệu USD, giảm mạnh 50,3%, nhóm hàng tiêu dùng ước đạt 2,1 tỷ USD, giảm 7%. Tuy nhiên, ô tô nguyên chiếc dưới 9 chỗ ngồi tiếp tục tăng cao ở mức 50,4% với KNNK ước đạt 295 triệu USD, do sự gia tăng về lượng nhập khẩu (88,1%) và giá nhập khẩu (20,1%).

Nhập khẩu ô tô nguyên chiếc dưới 9 chỗ ngồi tăng do nguyên nhân thuế nhập khẩu giảm 10% theo lộ trình giảm thuế theo cam kết trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA). Ngoài ra còn có nguyên nhân từ phân khúc dòng sản phẩm của các hãng sản xuất ô tô tại thị trường khu vực. Các dòng xe đang được ưa chuộng trên thị trường Việt Nam hiện nay như: Toyota Fortuner (Indonesia), Ford Ranger (Thái Lan), Toyota Yaris và Vios (Thái Lan). Ô tô nhập khẩu từ Ấn Độ mặc dù không được giảm thuế nhập khẩu nhưng lượng nhập khẩu vẫn tăng mạnh do nguyên nhân chính là giá xe thấp.

b) Về thị trường nhập khẩu:

- Về khu vực thị trường: Châu Á vẫn là khu vực thị trường nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam với KNNK ước đạt 52 tỷ, tăng cao ở mức 25% so với cùng kỳ 2016 và chiếm tỷ trọng 81,2%. Tiếp theo là khu vực châu Mỹ và châu Âu với KNNK ước đạt 4,89 tỷ USD và 4,59 tỷ USD, chiếm tỷ trọng tương ứng và 7,6% và 7,2%. Tốc độ tăng trưởng NK của hai khu vực thị trường này thấp hơn mức tăng trung bình của nhập khẩu, tương ứng là 17,2% và 24,7%.

- Về quốc gia: Các quốc gia châu Á vẫn là thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam. Đứng đầu là Trung Quốc với KNNK ước đạt 17,6 tỷ USD, tăng 19,4% và chiếm tỷ trọng 27,4%. Tiếp theo là Hàn Quốc với KNNK ước đạt 13,7 tỷ USD, tăng cao nhất ở mức 45,3% và chiếm tỷ trọng 21,4%. Các quốc gia ASEAN, Nhật Bản, Đài Loan và Hoa Kỳ đứng ở các vị trí tiếp theo với KNXK tương ứng là 8,8 tỷ USD; 5,1 tỷ USD; 3,9 tỷ USD và 3 tỷ USD.

 c) Về chủ thể nhập khẩu:

Nhập khẩu của khu vực đầu tư nước ngoài vấn chiếm tỷ trọng lớn với tốc độ tăng trưởng cao hơn khu vực 100% vốn trong nước. Khu vực 100% vốn trong nước nhập khẩu ước đạt 25,8 tỷ USD, tăng 24,4%, chiếm 40,23%. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu ước đạt 38,3 tỷ USD, tăng 25,3%, chiếm 59,77%.

## 2.3. Cán cân thương mại

Tháng 4, nhập siêu ước đạt 800 triệu USD, tính chung 4 tháng đầu năm, KN nhập siêu cả nước ước đạt 2,74 tỷ USD, chiếm 4,5% KNXK (cao hơn mức nhập siêu mục tiêu cả năm là 3,5%).

Đi vào chi tiết cho thấy:

- Về khu vực thị trường: Việt Nam tiếp tục nhập siêu từ khu vực thị trường châu Á (20,2 tỷ USD) và xuất siêu sang khu vực thị trường châu Âu (10,8 tỷ USD) và châu Mỹ (9,9 tỷ USD).

- Về quốc gia: Hàn Quốc vượt qua thị trường Trung Quốc và trở thành quốc gia nhập siêu lớn nhất của Việt Nam với KN nhập siêu tương ứng là 9,3 tỷ USD và 9,02 tỷ USD. Nguyên nhân chủ yếu là do sự gia tăng nhập khẩu phục vụ cho nhà máy Samsung của Hàn Quốc tại Việt Nam và phía bạn khai thác tốt hơn Hiệp định thương mại tự do Hàn Quốc - Việt Nam để đẩy mạnh xuất khẩu sang Việt Nam. Tiếp theo là Đài Loan với mức nhập siêu là 3,12 tỷ USD. Nhập siêu tử các quốc gia ASEAN là 2,1 tỷ USD, trong đó nhập siêu từ Thái Lan là 1,48 tỷ USD cho thấy khả năng khai thác hội nhập khu vực của Việt Nam còn hạn chế so với các quốc gia trong khu vực.

Hoa Kỳ tiếp tục là quốc gia xuất siêu lớn nhất của Việt Nam mức 8,84 tỷ USD, tiếp theo là Hồng Kông, 1,56 tỷ USD; Các tiểu Vương quốc Ả rập thống nhất, 1,45 tỷ USD.

- Về chủ thể: Nhập siêu 4 tháng đầu năm đến từ khu vực 100% vốn trong nước với mức nhập siêu ước đạt 8,49 tỷ USD, trong khi khu vực 100% vốn FDI đạt thành tích xuất siêu, ước đạt 5,75 tỷ USD).

## 4. Đánh giá chung

## - Xuất nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2017 có mức tăng trưởng cao, gấp gần 2,5 lần so với cùng kỳ năm 2016. Xuất khẩu tăng cao đối với nhóm nhiên liệu và khoáng sản do giá thế giới tăng và sự gia tăng của nhóm các mặt hàng có quy mô xuất khẩu lớn và tốc độ tăng trưởng cao như: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng; Xơ, sợi dệt các loại; Phương tiện vận tải và phụ tùng...

## Tuy nhiên, xuất khẩu 4 tháng đầu năm chứng kiến mức tăng chậm đối với mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là điện thoại và linh kiện (ước đạt 11,4 tỷ USD) tăng không đáng kể, chỉ tăng 0,3% do đã gần như chạm giới hạn về cầu thị trường; và sự tăng trưởng thiếu ổn định đối với nhóm mặt hàng nông – thủy sản do những biến động cả về giá và lượng, đặc biệt là sụt giảm xuất khẩu đối với các mặt hàng như gạo, tiêu và sắn.

Khu vực thị trường châu Á có mức tăng trưởng XK 4 tháng năm 2017 cao hơn mức tăng trưởng chung của cả nước tăng 25,2% (cả nước 15,4%), trong khi khu vực thị trường châu Âu và châu Mỹ có mức tăng thấp hơn so với cùng kỳ, khu vực châu Âu có KNXK tăng 8% (cùng kỳ tăng 14%); khu vực thị trường châu Mỹ có KNXK tăng 7,6% (cùng kỳ tăng 14%). Đặc biệt xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ chỉ tăng 3,7% (cùng kỳ tăng 16%).

- Nhập khẩu tăng cao đối với nhóm nguyên nhiên vật liệu đầu vào và máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất cho thấy sản xuất được mở rộng. Giá nhập khẩu tăng ở hầu hết các mặt hàng, đặc biệt là nhóm hàng nguyên, nhiên vật liệu cho sản xuất đã góp phần gia tăng KNNK. Nhập khẩu ghi nhận yếu tố tích cực từ việc nhập khẩu nhóm hàng cần hạn chế nhập khẩu giảm liên tục qua các tháng và 4 tháng đầu năm (giảm 7%), trong đó có nhiều mặt hàng giảm mạnh như điện thoại di động, giảm 50,3%.

Tuy nhiên, nhập khẩu vẫn tiếp tục tăng cao đối với nhóm hàng cần kiểm soát nhập khẩu (tăng 21,3%), trong đó có một số mặt hàng tăng cao như rau quả (tăng 48,4%), phế liệu sắt thép, tăng 94,7%; xe máy và linh kiện phụ tùng, tăng 28,3% và ô tô nguyên chiếc dưới 9 chỗ (thuộc nhóm cần hạn chế nhập khẩu) tăng 50,4%, trong đó lượng nhập khẩu tăng tới 88,1% do thuế nhập khẩu giảm 10% theo lộ trình giảm thuế theo cam kết trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) và Ấn Độ xả hàng đối với dòng xe giá thấp.

- Nhập siêu 4 tháng đầu năm tiếp tục tăng, nguyên nhân chủ yếu do nhập khẩu nhóm hàng cần nhập khẩu để phục vụ sản xuất tăng cao như: nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhập khẩu nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất. Bên cạnh đó, có nguyên nhân góp phần đáng kể trong gia tăng nhập khẩu đó chính là giá nhập khẩu tăng ở hầu hết các mặt hàng, đặc biệt là nhóm hàng nguyên, nhiên vật liệu cho sản xuất, trong khi xuất khẩu tăng chậm ở nhóm các mặt hàng xuất khẩu chủ lực là dệt may, da giày (chỉ tăng 8-9%), điện thoại và linh kiện (0,3%).

Nhập siêu tăng mạnh đối với nhóm các quốc gia có các FTA với Việt Nam. Hàn Quốc đã vượt Trung Quốc để trở thành quốc gia nhập siêu lớn nhất của Việt Nam chủ yếu là do nhập khẩu cho sản xuất của nhà máy Samsung. Đặc biệt, nhập siêu của Thái Lan tiếp tục gia tăng và trở thành quốc gia nhập siêu lớn thứ 5 của Việt Nam. Điều này cho thấy các nước đều đã khai thác hiệu quả về cắt giảm thuế đối với hàng hóa xuất khẩu và đặt ra áp lực cao đối với Việt Nam trong việc triển khai các FTA đã cam kết để thúc đẩy xuất khẩu. Khu vực DN 100% trong nước tiếp tục là khu vực nhập siêu trong khi khu vực FDI xuất siêu cho thấy các doanh nghiệp trong nước vẫn chưa sử dụng hiệu quả nguồn lực có sẵn để cắt giảm chi phí và việc xây dựng chuỗi cung ứng hàng hóa công nghiệp nội địa vẫn còn hạn chế.

**4. Thương mại nội địa**

***4.1. Tình hình thị trường trong nước***

Phát triển thị trường trong nước trong những tháng đầu năm 2017 có những dấu hiệu tích cực, với mức tăng trưởng tháng sau cao hơn tháng trước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội 2 tháng tăng 8,7%, 3 tháng tăng 9,2% và 4 tháng tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2016. Thị trường hàng hóa trong nước về cơ bản ổn định, cung cầu hàng hóa được đảm bảo.

Công tác ổn định thị trường, cung cầu hàng hóa được đảm bảo. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường được đẩy mạnh nhằm ngăn chặn các hành vi tăng giá bất hợp lý, buôn bán, vận chuyển hàng cấm, hàng nhập lậu, vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của cả nước đạt 1.267.875 nghìn tỷ đồng, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2016, cao hơn mức tăng 8,8% của cùng kỳ năm 2016.

**Biểu đồ 5: TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ**

Ngoài ra, hiện nay trên thị trường tiêu thụ trong nước còn một loại hình kinh doanh qua mạng Internethay các doanh nghiệp thương mại điện tử vẫn chưa được thống kê một cách đầy đủ đang tăng trưởng rất nhanh. Vì vậy, chỉ số tốc độ tăng trưởng thực chất của tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ sẽ cao hơn số 9,7%.

Xét theo thành phần kinh tế, tất cả các nhóm thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng và du lịch đều tăng từ 8,9% - 9,9%, riêng nhóm dịch vụ tăng 5,9% (Phụ lục 9).

***4.2. Hoạt động quản lý thị trường***

Trong tháng 4 năm 2017, thị trường hàng hóa tiêu dùng tương đối ổn định. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công Thương đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, kiểm tra, kiểm soát thị trường, trong đó một số văn bản đáng chú ý như: Kế hoạch số 3036/KH-BCT ngày 13 tháng 4 năm 2017 về công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả năm 2017; văn bản chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường các địa phương triển khai kiểm tra các doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật; tăng cường kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trong việc kinh doanh, buôn bán “Bóng cười”; báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý mặt hàng đường nhập nhập lậu…

Theo báo cáo nhanh, trong tháng 4 năm 2017 lực lượng Quản lý thị trường kiểm tra trên 13.650 vụ; phát hiện xử lý gần 8.000 vụ vi phạm, thu nộp ngân sách trên 38,5 tỷ đồng.

***Dự báo thương mại nội địa trong những tháng cuối năm:***

- Đồng USD mạnh lên do chịu tác động của kế hoạch giảm thuế của Mỹ sẽ tác động đến giá hàng hóa xuất nhập khẩu và qua đó ảnh hưởng đến giá hàng hóa trong nước.

- Tình hình sản xuất các mặt hàng nguyên vật liệu và lương thực, thực phẩm thiết yếu vẫn đang diễn biến theo chiều hướng ổn định. Tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, hiện tượng xâm nhập mặn xảy ra không đáng kể giúp ngành sản xuất nông nghiệp tốt hơn so với năm 2016. Dịch bệnh trên vật nuôi đang được chủ động khống chế.

- Lương cơ bản của các đối tượng tiếp tục được điều chỉnh theo lộ trình.

- Một số hàng hóa, dịch vụ do nhà nước quản lý giá tiếp tục điều chỉnh theo lộ trình.

- Kế hoạch lộ trình kiểm soát, thu thuế đối với kinh doanh qua mạng Internet.

Như vậy có thể thấy diễn biến thị trường năm 2017 sẽ ít có những biến động bất thường, các yếu tố về nguồn cung vẫn được bảo đảm (giá có tăng do giá thế giới, tỷ giá, chi phí nhiên liệu tăng... nhưng sẽ được kiểm soát từ phía nhà nước), các yếu tố từ phía cầu (thu nhập, niềm tin của người tiêu dùng) cũng khả quan nhưng không tăng mạnh.

Với các yếu tố trên, dự kiến tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội tăng khoảng 10-11% so với năm 2016. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân cả năm 2017 dự kiến sẽ được đảm bảo kiểm soát theo mức Quốc hội giao là khoảng 4%.

**III. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ**

Trong tháng 4 năm 2017, Bộ Công Thương đã triển khai một số hoạt động như sau:

**1.Công tác ASEAN**

*1.1.Hợp tác nội khối*

Tham dự Chương trình giới thiệu ASEAN (AEM Roadshow) tại Nhật Bản từ ngày 06 đến ngày 09 tháng 4 năm 2017; Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 30 và các hội nghị liên quan tại Phi-líp-pin.

Bên cạnh đó, Bộ Công Thương đã phối hợp với các Bộ ngành, đơn vị liên quan triển khai báo cáo kết quả Hội nghị Quan chức Kinh tế ASEAN (SEOM) lần thứ 2/48.

*1.2. Hợp tác ngoại khối*

Tham dự phiên họp Nhóm rà soát pháp lý trong khuôn khổ Hiệp định AJCEP tại Nhật Bản từ ngày 30 tháng 3 đến ngày 05 tháng 4 năm 2017.

Tiếp tục cùng các nước ASEAN giám sát và điều phối việc thực hiện các cam kết trong khuôn khổ FTA với các nước đối tác Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ôt-xtrây-li-a, Niu Di-lân, Ấn Độ và các hoạt động hợp tác kinh tế với Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Nga và Liên minh châu Âu (EU), chủ trì, phối hợp với ASEAN và các Bộ, ngành liên quan trong đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện Khu vực (RCEP).

*Đàm phán Hiệp định RCEP*

Với tư cách là đơn vị đầu mối chủ trì đàm phán Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), trong tháng 4 năm 2017, Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành xây dựng phương án và tham dự phiên đàm phán giữa kỳ Hiệp định Đối tác toàn diện khu vực (RCEP) và xây dựng phương án tham dự vòng đàm phán chính thức lần thứ 18 Hiệp định RCEP sẽ diễn ra từ ngày 2-12 tháng 5 năm 2017.

*Đàm phán FTA ASEAN-Hồng Công, Trung Quốc*

Bộ Công Thương đã báo cáo kết quả phiên đàm phán giữa kỳ nội bộ ASEAN tổ chức tại Thái Lan.

**2**. **Công tác đàm phán các Hiệp định thương mại tự do (FTA):**

*2.1. FTA Việt Nam – EU (EVFTA)*

Bộ Công Thương đang phối hợp với phía EU và các Bộ, ngành liên quan hoàn tất rà soát pháp lý để có thể sớm ký kết và tiến hành thủ tục phê chuẩn trong nước theo quy định hướng tới việc Hiệp định có hiệu lực vào năm 2018 như thống nhất của Lãnh đạo hai bên. Ngoài ra, Bộ cũng đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ về phương án ký kết và phê chuẩn Hiệp định EVFTA.

*2.2.Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)*

- Xây dựng Tờ trình Bộ Chính trị về việc Hoa Kỳ rút khỏi Hiệp định TPP và phương án đối phó của Việt Nam;

- Tham vấn với Trưởng đoàn đàm phán TPP của New Zealand tại Wellington vào cuối tháng 4/2017 và phiên họp cấp Trưởng đoàn đàm phán của các nước TPP tại Toronto vào đầu tháng 5/2017.

*2.3. Hiệp định FTA giữa Việt Nam và Khối EFTA*

- Chuẩn bị nội dung tham dự phiên đàm phán tháng 5 năm 2017 tại Giơ-ne-vơ, Thụy Sĩ.

*2.4 Hiệp định FTA giữa Việt Nam và I-xra-en (VIFTA)*

- Tiến hành điện đàm với Trưởng nhóm đàm phán Hiệp định VIFTA của I-xra-en thống nhất về thời gian tổ chức phiên đàm phán thứ 3 từ ngày 19-22 tháng 6 năm 2017 tại I-xra-en và nội dung công việc chuẩn bị cho phiên đàm phán sắp tới, trong đó quan trọng nhất là việc trao đổi bản chào đầu tiên về thương mại hàng hóa.

- Tiếp tục đôn đốc các Bộ, ngành và các đơn vị liên quan trong Bộ khẩn trương thực hiện các công việc hai Bên đã thống nhất trước đây để chuẩn bị cho phiên đàm phán tiếp theo.

**IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 01/NQ-CP**

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017, với tinh thần khẩn trương, tích cực, Bộ Công Thương đã ban hành Chương trình hành động của Bộ Công Thương triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP tại Quyết định số 47/QĐ-BCT ngày 09 tháng 01 năm 2017 (Chi tiết tại Phụ lục 11).

**V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI**

Các doanh nghiệp, các Sở Công Thương và các đơn vị trực thuộc tập trung triển khai nghiêm túc Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 19/2017/NQ-CP, Nghị quyết số 35/NQ-CP…, đồng thời tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

**1. Về sản xuất công nghiệp**

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất, giảm chi phí đầu vào, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Tập trung ưu tiên mọi nguồn lực để hoàn thành những công trình trọng điểm và then chốt nhằm gia tăng năng lực sản xuất; giải quyết cơ bản các khó khăn, tồn tại của những dự án kém hiệu quả, thua lỗ.

- Hỗ trợ tích cực để các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam phát triển, tham gia vào chuỗi sản xuất của các Tập đoàn đa quốc gia, các nhà lắp ráp trong nước và trên thế giới.

- Tập trung phát triển sản xuất công nghiệp theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm có thương hiệu quốc gia và có sức cạnh tranh trong chuỗi giá trị toàn cầu. Từng bước thực hiện các giải pháp nhằm chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp theo hướng giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp.

*-* Đẩy mạnh thực hiện Đề án Tái cơ cấu Ngành Công Thương theo hướng toàn diện hơn, qua đó gắn tái cơ cấu với mô hình phát triển kinh tế theo hướng tăng giá trị gia tăng, đa dạng hóa sản phẩm, phát triển theo chiều sâu, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm lao động và nguyên vật liệu.

- Chỉ đạo và khuyến khích các doanh nghiệp chủ động lựa chọn phương án phù hợp trong đổi mới công nghệ sản xuất, chủ động nâng cao năng lực quản trị, chủ động tiếp cận và mở rộng thị trường; đồng thời phải xây dựng chiến lược kinh doanh, phương án kinh doanh khả thi cho doanh nghiệp nói chung và cho từng mặt hàng nói riêng.

- Đẩy mạnh và thực hiện quyết liệt việc giao vốn đầu tư chi tiết đến từng dự án.

- Theo dõi tình hình giá dầu, đẩy nhanh khoan thêm 2 giếng dầu đã được Chính phủ đồng ý nhằm gia tăng sản lượng.

- Tồn kho công nghiệp chế biến, chế tạo cao hơn so với cùng kỳ năm 2016, vì vậy cần theo dõi sát các ngành để điều chỉnh sản xuất phù hợp.

**2. Về xuất nhập khẩu**

***- Về kiểm soát nhập siêu***

Cần tập trung vào các nhóm giải pháp phát triển sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu, song song với việc tiếp tục áp dụng các biện pháp kiểm soát nhập khẩu một số mặt hàng tiêu dùng không khuyến khích nhập khẩu và các mặt hàng trong nước đã sản xuất được và theo dõi sát tình hình nhập khẩu để kịp thời có giải pháp kiểm soát nhập khẩu và bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước khi cần thiết.

***- Thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu***

- Tháo gỡ khó khăn cho sản xuất trong nước và cho các dự án sản xuất hàng xuất khẩu để tạo nguồn hàng cho xuất khẩu.

- Tăng cường công tác thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường xuất khẩu; chú trọng các biện pháp tháo gỡ vướng mắc về rào cản thị trường, tạo điều kiện cho hàng hóa xuất khẩu Việt Nam thâm nhập vào các thị trường mới.

- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền rộng rãi về ưu đãi FTA đã ký, đặc biệt là các FTA mới với Liên minh Kinh tế Á Âu và Hàn Quốc, hướng tận dụng và cách tận dụng ưu đãi FTA, nhất là về quy tắc xuất xứ và làm thế nào để đáp ứng quy tắc xuất xứ.

 - Cải cách thủ tục hành chính, rà soát danh mục mặt hàng và quy trình cấp giấy phép đối với các nhóm hàng hiện đang được quản lý theo hình thức giấy phép theo hướng giảm thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, tạo thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp.

***- Quản lý nhập khẩu các mặt hàng tiêu dùng không khuyến khích nhập khẩu, các mặt hàng trong nước đã sản xuất được***

- Bộ Công Thương nghiên cứu khả năng áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với các mặt hàng nhập khẩu nhiều theo quy định của pháp luật và phù hợp với cam kết quốc tế.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá tổng thể việc triển khai áp dụng các biện pháp kỹ thuật đối với hàng nông sản nhập khẩu thời gian qua; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu triển khai áp dụng các hàng rào kỹ thuật quản lý chuyên ngành phù hợp để tăng cường quản lý nhập khẩu, đặc biệt là các mặt hàng nông sản trong nước đã sản xuất được đáp ứng nhu cầu, có tính đối đẳng như các nước hiện đang áp dụng (về kiểm dịch, chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm) với hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam.

- Các biện pháp về tài chính tiền tệ đối với nhóm hàng tiêu dùng:

+ Hạn chế tiếp cận ngoại tệ theo hướng quy định tiêu chí chặt chẽ đối với việc vay ngoại tệ để nhập khẩu hàng tiêu dùng.

+ Hạn chế tín dụng tiêu dùng đối với hàng tiêu dùng, trong đó có ô tô nguyên chiếc dưới 9 chỗ.

+ Xem xét áp dụng mức thuế nhập khẩu ở mức trần đối với hàng tiêu dùng.

**3. Về thị trường nội địa**

- Tiếp tục các biện pháp để đưa Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” thực sự đi vào cuộc sống, gắn với thúc đẩy sản xuất và phát triển thị trường nội địa.

- Đẩy mạnh triển khai các chương trình xúc tiến thương mại để góp phần thúc đẩy tiêu thụ và sức mua trên thị trường. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại thị trường nội địa, thị trường miền núi, hỗ trợ các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm, đưa hàng hóa về nông thôn, vùng biên giới, hải đảo.

- Kiên quyết nhất quán thực hiện cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phối hợp tốt với các địa phương triển khai các chương trình bình ổn thị trường, giảm thiểu hiện tượng đầu cơ, tích trữ hàng, hạn chế việc tăng giá tùy tiện ngoài thị trường

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương theo dõi sát diễn biến cung cầu hàng hóa, giá cả, thị trường trong nước, nhất là các mặt hàng thiết yếu; đồng thời tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện quy định về đăng ký giá, kê khai giá và việc chấp hành theo quy định của pháp luật về quản lý giá.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thị trường, tích cực ngăn ngừa buôn lậu, gian lận thương mại, hàng nhái, hàng giả, hàng kém chất lượng để bảo vệ sản xuất trong nước và quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng.

**4. Hỗ trợ các doanh nghiệp:**

- Phối hợp, tổ chức trình bày về FTA tại các Hội nghị/Diễn đàn của các cơ quan/tổ chức như Ủy ban Kinh tế Quốc hội, Bộ Tài chính, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Dệt may Việt Nam...

- Chủ động tuyên truyền dưới các hình thức khác như: trả lời trực tuyến, trả lời phỏng vấn, cung cấp thông tin trên trang web của Bộ... để các doanh nghiệp, người dân và các đối tượng quan tâm nắm được thông tin về cam kết về thuế quan và dịch vụ, quy tắc xuất xứ và các quy định khác, từ đó sẽ xác định các cơ hội và thách thức cụ thể đối với lĩnh vực kinh doanh của mình để chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp, nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm, tận dụng được những lợi thế do AEC và các FTA mang lại./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Kinh tế Trung ương;- Bộ KHĐT;- VP TƯ Đảng;- VP Chính phủ;- UB Kinh tế của Quốc hội;- Mạng diện rộng VPCP;- Lãnh đạo Bộ;- Đảng uỷ Bộ;- Các Vụ (qua mạng nội bộ);- Lưu: VT, KH (14). | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG**  **Cao Quốc Hưng** |